

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/DS-ST

Ngày: 25-9-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

2. Ông Lê Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông Thường vụ án dân sự thụ lý số 102/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1965.

Trú tại: Xóm 4, thôn N, xã G, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1972

Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1973

Trú tại: Xóm 1, thôn N, xã G, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H: Ông **Nguyễn Thái S**, sinh năm 1962. Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (*Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/3/2024 công chứng tại Văn phòng công chứng T số 948 quyền số 03/2024 TP/CC – SCC/HĐGD*).

Ông T, ông S có mặt; bà P vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2024 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đình T trình bày: Do quen biết tình cảm trong thôn xóm, vào ngày 23/02/2022 ông cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị P vay số tiền 250.000.000đ, thỏa thuận tiền lãi 12.000.000đ/tháng, thời gian vay 10 ngày, mục đích vay để làm ăn. Việc vay mượn do ông và ông H trực tiếp thỏa thuận, có ghi tên vợ ông H là bà Nguyễn Thị P trong giấy mượn tiền ngày 23/02/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông H trả cho ông Tiền lãi trong 05 tháng khoảng 60.000.000đ, sau đó không Thanh toán. Ông đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H, bà P không Trả nợ nên ông khởi kiện yêu cầu ông H, bà P trả cho ông số tiền nợ gốc 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) và không yêu cầu trả lãi. Tại phiên tòa, ông T xác định cho ông H vay tiền nợ gốc 250.000.000đ, trong giấy nợ có ghi tên bà P nhưng không có chữ ký xác nhận nợ của bà P nên ông không yêu cầu bà P có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên. Hiện nay ông khởi kiện yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ gốc 150.000.000đ và không yêu cầu trả lãi. Ngoài ra, Ông T xác định ông H không còn khoản nợ nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H do ông Nguyễn Thái S đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Nguyễn Văn H xác định vào ngày 23/02/2022 có vay Ông T số tiền 250.000.000đ, thỏa thuận tiền lãi 3.000đ/1.000.000đ/tháng, thời gian vay 10 ngày, mục đích vay để tiêu xài cá nhân. Giấy mượn tiền ngày 23/02/2022 do ông H tự viết, có ghi tên vợ là bà Nguyễn Thị P nhưng bà P không biết việc vay mượn tiền của ông đối với ông T; bà P không Tham gia vào việc vay nợ và không sử dụng tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông H đã trả cho ông T số tiền gốc 200.000.000đ và tiền lãi 9.000.000đ còn nợ lại 50.000.000đ nợ gốc. Sau đó ông H có vay tiếp của ông T số tiền 50.000.000đ. Ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ gốc 200.000.000đ và việc trả tiền không được ông T thừa nhận. Hiện nay, nguyên đơn khởi kiện buộc ông H trả số tiền nợ gốc 150.000.000đ thì ông Nguyễn Văn H đồng ý trả cho ông T số tiền nợ gốc 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và không phải trả lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và không giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà P vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt và thông báo kết quả phiên họp cho bà P được biết. Do bà P vắng mặt nên Tòa án không Tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H trả số tiền nợ gốc 150.000.000đ (*Một trăm năm triệu đồng*);

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công Thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự như xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác định mối quan hệ tranh chấp, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Văn H thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn bà Nguyễn Thị P chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn H trả cho ông Nguyễn Đình T số tiền nợ gốc 150.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Giữa ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Văn H có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản tại Giấy mượn tiền đề ngày 23/02/2022. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Đình T với bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị P vắng mặt đến lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Việc ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Văn H xác lập hợp đồng vay tài sản có xảy ra trên thực tế do hai bên đều thừa nhận theo nội dung Giấy mượn tiền đề ngày 23/02/2022 thì

ông H vay của ông T số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định trực tiếp cho ông H vay tiền nên yêu cầu ông H có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc 150.000.000đ và không yêu cầu bà P có nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn ông H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng ý trả cho ông Nguyễn Đình T số tiền 150.000.000đ và không phải trả lãi. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn không yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả số tiền nợ vay nên không đặt ra nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị P đối với ông Nguyễn Đình T

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định việc ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Văn H xác lập hợp đồng vay tài sản có xảy ra trên thực tế, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi, xác định khoản nợ gốc 150.000.000đ ông H chưa thanh toán. Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..*" do ông H chưa thanh toán khoản tiền nợ gốc 150.000.000đ cho nguyên đơn cần buộc ông H trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 150.000.000đ là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 150.000.000đ, cụ thể: $150.000.000đ \times 5\% = 7.500.000đ$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 92, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị P về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình T số tiền nợ gốc 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Đình T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003623 ngày 28/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hạnh